

**ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ,
NGHỊ QUYẾT SỐ 42/2017/NQ-QH NGÀY 21/6/2017 CỦA QUỐC HỘI
VỀ THÍ ĐIỂM XỬ LÝ NỢ XẤU CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG
TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP VỀ TÍN DỤNG
CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

TS. TRẦN VĂN HÀ

***Phó Vụ trưởng, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học
Tòa án nhân dân tối cao***

Trong giai đoạn hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động tín dụng, ngân hàng thì các tranh chấp liên quan đến tín dụng ngân hàng ngày càng tăng về số lượng và mức độ phức tạp đã đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ mới cho Tòa án nhân dân các cấp trong việc giải quyết loại tranh chấp này. Thực tiễn giải quyết tại Tòa án cho thấy, các quy định của pháp luật liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tín dụng ngân hàng nói chung và xử lý nợ xấu nói riêng còn có một số hạn chế, bất cập. Tham luận này tập trung phân tích thực trạng của việc áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân, cụ thể như sau:

I. Khái quát chung

1. Công tác xây dựng pháp luật liên quan đến xử lý nợ xấu

Ngày 21-6-2017, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng và giao Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm: Tổ chức thực hiện Nghị quyết và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật về giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu quy định tại Nghị quyết này.

Thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội giao, ngày 15-5-2018, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân.

2. Công tác triển khai thi hành

Sau khi Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21-6-2017 của Quốc hội và Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có hiệu lực pháp luật, lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao đã phổ biến, quán triệt việc thi hành đến các Tòa án nhân dân, các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; đồng thời, ban hành các công văn quán triệt đến các Tòa án nhân dân, các Thẩm phán, Thẩm tra viên và Thư ký Tòa án nhằm đảm bảo áp dụng thống nhất và góp phần xử lý nợ xấu, cụ thể:

- Công văn số 152/TANDTC-PC ngày 19-7-2017 quán triệt các Tòa án nhân dân tiếp tục triển khai thực hiện các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Phá sản năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó lưu ý một số quy định pháp luật nhằm đảm bảo giải quyết các tranh chấp hiệu quả, góp phần vào việc xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng;
- Công văn số 232/TANDTC-PC ngày 26-10-2018 quán triệt các Tòa án nhân dân thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự, người đại diện của đương sự theo đúng quy định Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

II. Thực trạng áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân

1. Tình hình giải quyết

Theo số liệu Báo cáo của 47/64 Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tình hình giải quyết vụ án liên quan đến nợ xấu của các tổ chức tín dụng, Tòa án nhân dân các cấp nhận được 11 đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, trong đó số vụ án tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thụ lý giải quyết theo thủ tục rút gọn là 05 vụ. Qua báo cáo của các Tòa án thấy rằng, số đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và số vụ án tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thụ lý giải quyết theo thủ tục rút gọn là rất khiêm tốn.

Nguyên nhân là do việc áp dụng thủ tục rút gọn đối với loại việc này phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng và Phần thứ tư của Bộ luật Tố tụng dân sự về giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn. Các tranh chấp này thường liên quan hợp đồng tài chính tín dụng - một trong những lĩnh vực chuyên môn khó; khi đã khởi kiện đến Tòa án thì thường rất phức tạp, đương

sự nại ra nhiều lý do để kéo dài thời gian giải quyết vụ án; việc xử lý tài sản bảo đảm gặp khó khăn chủ yếu do đương sự cố tình chống đối, các bên không thống nhất về giá tài sản, việc định giá tài sản mất thời gian, v.v. Đồng thời, trong bối cảnh, Thẩm phán, cán bộ Tòa án phải giải quyết số lượng vụ việc ngày càng lớn, gia tăng áp lực về thời gian, khối lượng công việc; chưa mạnh dạn triển khai thực hiện thủ tục rút gọn vì chưa có “tiền lệ”, tâm lý “sợ sai sót” trong quá trình xét xử đã phần nào dẫn đến số lượng vụ việc xử lý nợ xấu thông qua thủ tục rút gọn tại Tòa án chưa nhiều.

2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Khó khăn, vướng mắc

Tuy số vụ án tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được giải quyết theo thủ tục rút gọn theo quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội và Bộ luật Tố tụng dân sự không nhiều nhưng quá trình giải quyết tại Tòa án cũng phát sinh một số vướng mắc sau đây:

2.1.1. Về tố tụng

- Về việc ủy thác thu thập chứng cứ, trường hợp vụ án có nhiều đương sự ở nhiều nơi, khác địa giới hành chính cấp huyện, tỉnh, Tòa án phải thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp nhưng một số Tòa án không thực hiện việc nhận ủy thác hoặc chậm thực hiện làm kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Đối với vụ án có yếu tố nước ngoài (đương sự ở nước ngoài, tài sản bảo đảm ở nước ngoài...), quá trình tiến hành tố tụng Tòa án phải thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài và ấn định thời hạn tiến hành phiên họp hòa giải, phiên tòa phải theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn ấn định phiên tòa không được sớm hơn 9 tháng, kể từ ngày ra văn bản thông báo thụ lý vụ án. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án nhưng phải chờ đến hạn luật định mới có thể tiến hành hòa giải hoặc xét xử. Việc giải quyết vụ án vì thế mà kéo dài, ảnh hưởng không nhỏ đến tương quan giữa giá trị nợ gốc, lãi vay và giá trị tài sản bảo đảm vào thời điểm giải quyết bằng bản án, quyết định. Chưa kể, việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhằm tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập chứng cứ hiện nay gần như không có kết quả, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án được toàn diện, bảo đảm tối đa quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- Việc tổng đạt các văn bản tố tụng gặp nhiều khó khăn do đương sự trốn tránh, từ chối nhận giấy triệu tập hoặc thay đổi nơi ở liên tục cũng gây khó khăn trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự.

- Về việc xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong vụ án tranh chấp về nợ xấu, tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu, việc xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nơi trụ sở của Tổ chức tín dụng, chi nhánh, phòng giao dịch của Tổ chức tín dụng hay là Tòa án nơi có tài sản đảm bảo đó. Vì vậy dẫn đến việc các Tòa án trả lại đơn khởi kiện do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án làm cho tranh chấp kéo dài gây ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ các bên liên quan.

2.1.2. Về sự hợp tác của các đương sự

Trong các vụ án tranh chấp về tín dụng, nguyên đơn thường là các tổ chức tín dụng còn phía bị đơn là bên vay tiền, bên thế chấp, bảo lãnh tài sản... Do không trả được tiền vay, làm ăn thua lỗ, phá sản nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thường có tâm lý không hợp tác trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cụ thể:

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thường trốn tránh, từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không có mặt làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, không có mặt tại nơi cư trú khi Tòa án có lịch làm việc, không tham gia phiên tòa... Trường hợp trốn tránh không nhận văn bản tố tụng thì Tòa án phải tiến hành xác minh, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự mới có thể xét xử vắng mặt.

- Bị đơn thường có dấu hiệu trốn nợ như bỏ đi nơi khác sinh sống, thường xuyên thay đổi nơi ở, thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ nơi cư trú không thể xác định được địa chỉ cụ thể; hoặc doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng không tiến hành thủ tục giải thể, không biết địa chỉ của người quản lý, đại diện theo pháp luật, dẫn tới việc giải quyết bị kéo dài, gặp nhiều khó khăn.

- Khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ hoặc định giá tài sản thì phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời nói hoặc hành động đe dọa, xúc phạm những người tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ hoặc định giá tài sản... Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ về việc quản lý, sử dụng tài sản thế chấp, gây khó khăn cho việc thu thập tài liệu chứng cứ, ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án hoặc phải hoãn đi hoãn lại nhiều lần.

- Đối với những vụ án phức tạp có nhiều người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia thì việc hoãn phiên tòa nhiều lần là điều khó tránh khỏi, chưa kể việc các đương sự thường lợi dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để yêu cầu hoãn phiên tòa. Điều này dẫn đến thời hạn giải quyết vụ án bị kéo dài, gây mệt mỏi, tốn kém và đi lại nhiều lần cho phía tổ chức tín dụng.

- Ngoài ra, có một số trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ủy quyền cho luật sư tham gia tố tụng với mục đích kéo dài thời hạn, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án như: đề nghị thu thập thêm tài liệu, chứng cứ, tiến hành trưng cầu giám định tài liệu...

2.1.3. Về tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu

- Trường hợp hợp đồng tín dụng có thế chấp nhiều tài sản để bảo đảm cho khoản vay, các tài sản này nằm ở nhiều địa phương khác nhau gây khó khăn cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Hoặc khi xem xét thẩm định, định giá tài sản của khách hàng, tổ chức tín dụng định giá cao hơn nhiều so với giá trị thực của tài sản, thậm chí không xem xét hiện trạng tài sản bảo đảm mà chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để định giá tài sản dẫn đến việc khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngân hàng khởi kiện, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì hiện trạng tài sản thế chấp khác với hiện trạng tài sản của Ngân hàng thẩm định gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án cũng như việc thi hành án.

- Các bên có tranh chấp về nguồn gốc hình thành tài sản bảo đảm mà tranh chấp này được giải quyết trong một vụ án khác... Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thời gian giải quyết vụ án không bảo đảm nếu giải quyết theo thủ tục rút gọn.

- Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được chuyển nhượng cho người khác nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng đã sử dụng đất (xây dựng nhà kiên cố) nhưng người chuyển nhượng (chủ cũ) vẫn thế chấp khi vay tiền tại Ngân hàng do họ vẫn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngân hàng khi cho vay không kiểm tra tài sản trên đất là của ai, không kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, đến khi xử lý tài sản bảo đảm thì xảy ra tranh chấp.

- Trên đất thế chấp có nhiều tài sản là vật kiến trúc, trong đó có tài sản của chủ đất (có tên trong giấy chứng nhận), có tài sản là của người khác nhưng khi lập

hợp đồng thế chấp thì không có ý kiến của người có tài sản mà không phải là chủ đất.

- Đối với các tài sản bảo đảm là hàng hóa trong kho, khi Tòa án giải quyết tranh chấp, tiến hành thẩm định thì đa phần bên quản lý tài sản đã bán hoặc đưa vào sản xuất nên không còn hàng hóa là bảo đảm cho khoản vay đó nữa.

2.1.4. Về việc xử lý tài sản bảo đảm

- Đất cấp cho Hộ gia đình nhưng khi làm thủ tục chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế không có các thành viên trong hộ ký, sau đó người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đăng ký quyền sử dụng đất và thế chấp quyền sử dụng đất dẫn đến rất khó khăn trong việc xử lý tài sản thế chấp do có tranh chấp của các thành viên trong hộ gia đình.

- Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay là nhà xưởng, kho, bãi sau đó bên thế chấp cho công ty khác thuê, công ty này sửa chữa, xây dựng mới nhưng bên thế chấp không thông báo cho tổ chức tín dụng biết, tổ chức tín dụng cũng không kiểm tra dẫn đến rất khó khăn khi xử lý tài sản thế chấp.

- Đối với tài sản bảo đảm là động sản có đăng ký như ô tô, máy xúc, máy cày... của bị đơn. Do bị đơn không hợp tác giải quyết, không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh hoặc không biết bị đơn và tài sản bảo đảm hiện đang ở đâu, không thẩm định được tài sản bảo đảm. Tòa án đã tiến hành xác minh ở cơ quan có thẩm quyền và xác định được tài sản bảo đảm chưa chuyển quyền sở hữu và vẫn thuộc quyền sở hữu của bị đơn. Đối với trường hợp này, mặc dù tổ chức tín dụng không cung cấp được thông tin về tài sản cho Tòa án để thẩm định nhưng vẫn đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản bảo đảm, khi giải quyết, Tòa án gặp vướng mắc trong việc có tuyên phát mại tài sản bảo đảm trên trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn vì tuyên như vậy thì cơ quan thi hành án dân sự sẽ khó thi hành án do không có tài sản.

- Khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích quyền sử dụng đất là tài sản bảo đảm có sự thay đổi (diện tích ít hơn) so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp và so với Biên bản thẩm định tài sản thế chấp của tổ chức tín dụng tại thời điểm thế chấp. Do quá trình thẩm định tài sản thế chấp của các tổ chức tín dụng tại thời điểm thế chấp không quy định phải có mặt cơ quan địa chính ở địa phương nên khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ có sự thay đổi về diện tích quyền sử dụng thì chưa đủ cơ sở để tuyên xử lý tài sản thế chấp dẫn đến việc giải quyết vụ án kéo dài.

2.1.5. Về trách nhiệm của tổ chức tín dụng trong hợp đồng tín dụng

- Tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ trả nợ, giao tài sản *bảo đảm để xử lý thu hồi nợ* nhưng không cung cấp được họ tên, địa chỉ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là những người đang quản lý, sử dụng tài sản đảm bảo).
- Khi các tổ chức tín dụng cho khách hàng vay tiền, đã xem xét, thẩm định, định giá tài sản của khách hàng thế chấp bảo đảm cho khoản vay nhưng việc xem xét hiện trạng và xác định giá trị tài sản bảo đảm còn chưa đầy đủ, thiếu chính xác, nhầm lẫn... Khi Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ thì xác định các tài sản bảo đảm đó của người khác hoặc liên quan đến quyền sở hữu của nhiều người, nhiều đối tượng khác nhau... nên rất khó khăn khi xử lý tài sản bảo đảm.
- Tổ chức tín dụng trong một số trường hợp chưa kiểm tra kỹ lưỡng tài sản thế chấp khi cho vay, kiểm tra việc sử dụng vốn vay và thẩm định giá trị tài sản thế chấp, đặc biệt đối với khoản tín dụng rất lớn. Cụ thể: Không tiến hành kiểm tra, thẩm định để xác định đúng đắn tình trạng tài sản thế chấp nên không xác định việc đương sự có xây thêm, sửa chữa tài sản là nhà ở đang thế chấp; có trường hợp tài sản thế chấp đang được cho thuê, tài sản thế chấp đã được gán nợ, tài sản thế chấp đã bán cho người khác; hoặc trường hợp tài sản thế chấp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nhưng do một người là vợ hoặc chồng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tài sản thế chấp là tài sản chung của các đồng thừa kế nhưng do một người đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản thế chấp có một phần thuộc sở hữu hợp pháp của người khác trong khi người vay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thông báo cho Tòa án, ngân hàng cũng không nắm được thông tin. Những yếu tố trên đã gây không ít khó khăn cho Tòa án khi giải quyết vụ án, xác định người liên quan, nhập vụ án...
- Một số tổ chức tín dụng khi ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất của hộ gia đình, chưa yêu cầu đầy đủ những người có quyền sử dụng đất chung với hộ gia đình ký hợp đồng thế chấp hoặc một thành viên trong gia đình ký thay cho các thành viên còn lại sau đó đương sự cho rằng không phải là chữ ký của mình và yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết hoặc bên thế chấp đang cho thuê đất, cầm cố đất nhưng tổ chức tín dụng vẫn nhận thế chấp để cho vay, dẫn đến hợp đồng thế chấp bị người thứ ba tranh chấp.

- Tổ chức tín dụng không thông báo cho khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm và các bên liên quan về nội dung bán nợ giữa tổ chức tín dụng và Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) theo quy định Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06-9-2013 và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28-8-2015. Quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp, đại diện tổ chức tín dụng không thông báo cho Tòa án về nội dung mua bán nợ này. Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 19/2013/TT-NHNN nêu trên, sau khi ký kết hợp đồng mua bán nợ, toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với khoản nợ đã mua, tài sản bảo đảm và biện pháp bảo đảm khác của khoản nợ xấu được tổ chức tín dụng giữ nguyên hiện trạng và chuyển giao cho VAMC theo hợp đồng mua bán nợ. Tổ chức tín dụng chỉ tham gia tố tụng với tư cách là đương sự trong trường hợp VAMC có uỷ quyền bằng hợp đồng uỷ quyền nội dung: Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm, trong đó có thể hiện rõ nội dung được uỷ quyền nộp đơn khởi kiện, tham gia tố tụng... theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18-5-2013 của Chính phủ. Tuy nhiên, một số trường hợp tổ chức tín dụng không thực hiện đúng các nội dung trên, tiến hành nộp đơn khởi kiện, tham gia tố tụng mà không thông báo về nội dung bán nợ nên đã ảnh hưởng đến công tác xét xử của Tòa án, dẫn đến có vụ án phải hủy để giải quyết lại vì xác định không đúng tư cách đương sự.

2.2. Nguyên nhân

Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc nêu trên chủ yếu là do phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác, trốn tránh gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết tranh chấp; tổ chức tín dụng khi ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng bảo lãnh để bảo đảm cho khoản vay đã không tuân thủ chặt chẽ các nghiệp vụ cho vay theo quy định như không thẩm định tài sản thế chấp hoặc thẩm định sơ sài về tình trạng tài sản thế chấp, định giá tài sản thế chấp cao hơn nhiều so với giá thị trường... dẫn đến tranh chấp với bên thứ 3, gây khó khăn trong việc xử lý tài sản bảo đảm và giải quyết tại Tòa án.

Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong giải quyết tranh chấp nêu trên còn nhiều hạn chế. Khi Tòa án yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án, nhiều trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu không hợp tác, không trả lời văn bản của Tòa án, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu hoặc có trả lời, cung cấp nhưng không đúng theo yêu cầu.

3. Một số ví dụ vụ án cụ thể có yêu cầu áp dụng thủ tục rút gọn

3.1. Vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu

NĐ: Ngân hàng A

BĐ: Ông Phan Thanh H1 và bà Hoàng Thị H2

NLQ: Ông Phan Thanh Q

Nội dung vụ án:

Theo 03 hợp đồng tín dụng số 0047/2016/0002789/HĐTD ngày 12-9-2016, số 554000723149/2018-HĐCV/NHCT470 ngày 28-6-2017 và số 51000812616/2018-HĐCV/NHCT470 ngày 26-02-2018 thì ông Phan Thanh Q có tổng dư nợ tại Ngân hàng A tính đến ngày 26-6-2019 là 3.199.396.571đ (trong đó dư nợ gốc: 2.841.000.000đ, nợ lãi trong hạn 342.489.863đ, nợ lãi quá hạn là 16.606.708đ). Tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho 3 hợp đồng tín dụng trên là 3 thửa đất mang tên ông Phan Thanh H1 và bà Hoàng Thị H2. Ngân hàng A yêu cầu bên bảo đảm bàn giao tài sản để thu hồi nợ.

Tòa án xác định yêu cầu bàn giao tài sản để xử lý thu hồi nợ là quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp điều chỉnh của Nghị quyết số 42/2017QH14 ngày 21-6-2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, do bà Hoàng Thị H2 không có mặt tại địa phương, cần tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và xem xét, thẩm định tài sản bảo đảm nên Tòa án căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự về điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết theo thủ tục thông thường.

3.2. Vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm

Ngân hàng A và ông Vũ Văn B1, bà Nguyễn Thị B2 ký kết các hợp đồng tín dụng gồm:

1. Hợp đồng tín dụng trung hạn – dài hạn số 01100101 ngày 10-7-2014, số tiền vay 200.000.000đ, đã giải ngân 200.000.000đ; mục đích vay: Tiêu dùng (khách hàng có nhu cầu sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình cho ngôi nhà biệt thự 4 tầng).

2. Hợp đồng tín dụng số 01100102 ngày 07-8-2015, số tiền vay 300.000.000đ, đã giải ngân 300.000.000đ, mục đích vay: tiêu dùng (trang trí nội thất cho ngôi nhà biệt thự 04 tầng).

3. Hợp đồng cấp tín dụng số 01100103 ngày 26-5-2017, số tiền vay 200.000.000đ, đã giải ngân 200.000.000đ; mục đích vay: Sản xuất kinh doanh

4. Hợp đồng cấp tín dụng số 01100104 ngày 12-9-2017, số tiền vay 400.000.000đ, đã giải ngân 400.000.000đ, mục đích vay: sản xuất kinh doanh

5. Hợp đồng cấp tín dụng số 01100105 ngày 26-5-2017, hạn mức tín dụng 1.300.000.000đ, số tiền đã giải ngân 1.300.000.000đ; mục đích vay: sản xuất kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, hộ ông Vũ Văn B1, bà Nguyễn Thị B2 và Ngân hàng A đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 01, tờ bản đồ PL01, địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện M, tỉnh N.

Do ông Vũ Văn B1 và bà Nguyễn Thị B2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông B1 và bà B2 phải trả các khoản nợ theo hợp đồng. Nếu ông B1 và bà B2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 01, tờ bản đồ PL01, địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện M, tỉnh N.

Sau khi nghiên cứu đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, TAND thấy rằng:

1. Về nội dung đơn khởi kiện:

Trong 05 hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn khởi kiện trong cùng một vụ án có 02 hợp đồng cho vay với mục đích là tiêu dùng, 03 hợp đồng cho vay với mục đích là sản xuất kinh doanh. Vì vậy, không thể khởi kiện chung trong vụ án kinh doanh thương mại đối với các tranh chấp về dân sự do mối quan hệ pháp luật và điều luật áp dụng khác nhau.

2. Về tài liệu khởi kiện:

- Tài liệu khởi kiện mà nguyên gửi kèm theo đơn khởi kiện cho Tòa án là các hợp đồng tín dụng được sao không hợp lệ (không được sao, chứng thực tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định) mà do người khởi kiện tự sao y bản chính.

- Tài liệu về hồ sơ pháp nhân của người khởi kiện còn thiếu một số các giấy tờ liên quan như quyết định bổ nhiệm của người đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền, đại diện theo ủy quyền lại; bản sao đăng ký kinh doanh của bị đơn.

3. Đối với yêu cầu của Ngân hàng A đề nghị tòa án áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án:

Nội dung yêu cầu khởi kiện có nhiều hợp đồng, nhiều quan hệ pháp luật khác nhau với nhiều người tham gia tố tụng, tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ, bảo đảm để thụ lý giải quyết vụ án và còn phải thu thập thêm tài liệu chứng cứ mới giải

quyết được. Do vậy, không đủ điều kiện để áp dụng thụ tục rút gọn theo quy định của pháp luật.

III. Một số kiến nghị, đề xuất

- Nghiên cứu cơ chế cụ thể để giải quyết các trường hợp bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án cũng như từ chối hợp tác trong việc giải quyết vụ án nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết các tranh chấp liên quan đến nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.

- Hướng dẫn thống nhất các quy định của pháp luật về việc xác định thẩm quyền xét xử của Tòa án đối với các vụ án tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.

- Tiến hành giải quyết, đưa ra xét xử điểm một số vụ án giải quyết tranh chấp nợ xấu theo thủ tục rút gọn. Trên cơ sở đó rút kinh nghiệm để triển khai nhân rộng trong toàn hệ thống Tòa án.

- Tổ chức hội thảo, tập huấn các chuyên đề pháp luật liên quan đến giải quyết nợ xấu, qua đó rút kinh nghiệm thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giải quyết các tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.

- Chú trọng và tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật trong nhân dân để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng khi lập hồ sơ cho vay vốn phải đảm bảo tính chặt chẽ về tình trạng tài sản bảo đảm, tổ chức thẩm định giá đúng giá trị thực tế và đánh giá tác động về biến động giá trị của tài sản trong tương lai gần.

- Về phía tổ chức tín dụng:

+ Các tổ chức tín dụng phải tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục cho vay như: xác minh, thẩm định kỹ về tài sản bảo đảm nhằm hạn chế rủi ro và tranh chấp với bên thứ ba, kiểm tra về việc quản lý và sử dụng vốn vay cũng như tài sản bảo đảm; có như vậy, việc giải quyết vụ án được kịp thời, bảo đảm quyền lợi của các bên tranh chấp và đặc biệt là việc thu hồi nợ xấu của các tổ chức tín dụng được hiệu quả.

+ Tổ chức tín dụng khi thẩm định tài sản làm căn cứ ký hợp đồng thế chấp, bảo lãnh với khách hàng cần có mặt cơ quan quản lý đất đai ở địa phương (Ban địa chính phường, xã) để thẩm định tài sản cho chính xác, cụ thể.

Hội thảo “Thực tiễn giải quyết tranh chấp liên quan đến tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân”,
Tòa án nhân dân tối cao – Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam
Hội An, Quảng Nam, ngày 04/10/2019

+ Khi lập thủ tục thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cần phải yêu cầu người có quyền sử dụng đất chung với hộ ký kết hợp đồng đầy đủ, đúng quy định và phải thẩm định toàn bộ tài sản cần thế chấp của bên thế chấp, làm rõ quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất trước khi nhận thế chấp.

+ Tổ chức tín dụng khi khởi kiện phải nêu yêu cầu đúng quy định tại điểm g khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự để đủ điều kiện thụ lý án theo thủ tục rút gọn.



SOURCE: HỘI THẢO “THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LIÊN QUAN ĐẾN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN”, TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO – HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM, NGÀY 04/10/2019. HỘI AN, QUẢNG NAM